

Bản án số:16/2022/HS-ST
Ngày 02 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Giàng Mí Chớ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hồng Việt**

Bà Vương Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Châu Giang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST- HS ngày 24 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vừ Pà S** - Sinh ngày 04/4/1985 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Số căn cước công dân: 002085007548, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH- Bộ công an; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vừ Vả S** (sinh năm 1961) và bà **Vàng Thị D** (sinh năm 1963); có vợ là: **Lầu Thị M** (sinh năm 1984) và 02 con: Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 38/2022/HSST-QĐ ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Minh Hoàng** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- Bị hại: Anh **Lùng Văn T**- Sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Nguyễn Văn U** - Sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh **Lùng Mí H** - Sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt không có lý do).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Chị **Lầu Thị M** - Sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2020, Vừ Pà S, sinh ngày 04/4/1985, trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang một mình điều khiển xe máy từ nhà đi chợ Trung tâm huyện Đ với mục đích tìm mua bò. Khi đi đến chợ huyện Đ, S gặp C (*S không biết họ đệm, năm sinh của C, S và C quen biết nhau khi làm thuê tại Trung Quốc vào năm 2015*), trú tại thôn D, xã M, huyện Đ. Sau đó, S và Cho uống bia với nhau tại quán T thuộc tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, S một mình đi bộ từ quán T ra chợ huyện Đ để lấy xe máy đi về nhà. Do không tìm thấy xe nên S tiếp tục đi bộ theo hướng từ đường Vành Đai ra Quốc lộ 4C đi huyện M. Khi đi đến ngã ba gần Phòng Nông nghiệp huyện Đ thuộc tổ Y, thị trấn Đ, huyện Đ thì S rẽ trái theo hướng đi trung tâm huyện Đ. S đi bộ gần đến cầu Đ 2, S ngủ lại ở ven đường phía bên trái, tính theo hướng từ huyện M đi huyện Đ. Đến khoảng 04 giờ ngày hôm sau, S tỉnh dậy và nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVEALP, màu sơn xanh – đen – bạc, không có biển kiểm soát đang được dựng ở lề đường bên phải, tính theo hướng từ huyện M đi huyện Đ, đầu xe quay về hướng cánh đồng, đuôi xe hướng ra đường quốc lộ 4C. Lúc này, S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại. Sau đó, S lợi dụng lúc không có người, tiến đến chiếc xe máy rồi ngồi lên xe, đạp nổ máy xe, nhưng xe không nổ nên S dắt chiếc xe đi theo hướng Quốc lộ 4C đi P huyện Đ. Khi đi đến ngã ba P, S rẽ phải vào L thuộc tổ K, thị trấn Đ, huyện Đ. S dắt xe đến đầu nguồn nước thuộc L, S dựng xe ở bên phải đường theo hướng đi của S. Sau đó, S đạp nổ xe nhưng không nổ được nên S đẩy xe sát vào taluy dương, đầu xe chéch lên taluy dương, đuôi xe hướng taluy âm rồi đi bộ về nhà. Bốn ngày sau, S mang theo một chiếc kìm bằng kim loại, tay cầm bọc bằng cao su màu đỏ, dài khoảng 20cm đi bộ ra L – nơi S dựng xe trộm cắp được (*hai hôm trước, S đi bộ ra chợ huyện Đ để lấy xe để quên ở chợ thì S thấy chiếc xe vẫn được dựng ở đầu nguồn nước*). Đến nơi, S ngồi xuống bên phải đầu xe, tay phải cầm kìm, tay trái thò vào cổ xe máy, kéo ba dây điện nối từ ổ khóa xe máy xuống nguồn điện ra. Sau khi kéo được dây điện, S dùng kìm cắt đứt ba dây điện rồi đầu nối lại với nhau. Lúc này, đèn trên bảng đồng hồ xe máy sáng, S liền nổ máy rồi điều khiển xe đi về nhà. Hai ngày sau, S điều

khởi chiếc xe máy trên xuống nhà Nguyễn Văn U, sinh năm 1985, trú tại thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang chơi. Do U không ở nhà nên S điều khiển xe máy sang nhà Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú cùng thôn với U thay ổ khóa xe máy, Thúc đồng ý. Khi thay ổ khóa xong, U cũng vừa về đến nhà nên S sang nhà U. Trong quá trình nói chuyện, S nói muốn bán chiếc xe máy, hai bên trao đổi và thống nhất bán với giá 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Do xe bị mất biển số nên Uy trả trước 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) U sẽ đưa khi S đăng ký được biển số xe máy. Sau khi bán xe, S đi xe khách về nhà.

Ngày 07/3/2022, Lùng Văn T, sinh năm 2003, trú tại thôn M, xã L, huyện Đ nhìn thấy 01 chiếc xe máy có đặc điểm giống với chiếc xe máy mà T bị mất vào khoảng tháng 10/2020, tại tổ Y, thị trấn Đ, huyện Đ đang được dựng ở nhà Nguyễn Văn U nên T đã trình báo sự việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để xác minh làm rõ.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 09/KL-HĐĐG ngày 28/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị của 01 (*một*) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVEALP, màu sơn xanh – đen – bạc, BKS: 23B1-575.07, đăng ký lần đầu vào ngày 15/01/2020 có giá 19.500.000 đồng (*mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) và tại thời điểm tháng 10/2020 có tổng giá trị là: 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 05/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 08/QĐ-CQĐT về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố bị can số: 13/QĐ-CQĐT đối với Vũ Pà S về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 24/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vũ Pà S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vũ Pà S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định. Về trách nhiệm dân sự: Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý: trả lại ngay cho Lùng Văn T 01 xe máy nhãn hiệu HONDA; Số loại

WAVEALP; Số máy JA39E1304601; Số khung 391IXKY434039; Màu sơn Xanh, đen, bạc (*xe không gắn biển số*). Phần yếm xe bên trái có một vết vỡ ngang dài 06 cm, phần yếm và vỏ xe có nhiều vết xước, xe đã qua sử dụng không tiến hành kiểm tra động cơ bên trong xe và 01 (*một*) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 063425. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiện đang sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại hồ sơ; phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản và bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lùng Mí H có ý kiến xin lại xe và giấy tờ xe đã bị đánh cắp; anh Nguyễn Văn U yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền mà anh U đã mua xe máy do bị cáo phạm tội mà có.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và mức hình phạt nhưng xin được hưởng án treo.

Ông Nguyễn Minh Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề cập áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo hiện nay hoàn cảnh khó khăn, công việc không ổn định. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, hứa sửa chữa lỗi lầm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để có điều kiện làm lại cuộc đời, chăm sóc gia đình, con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Khoảng tháng 10 năm 2020, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Lùng Văn T, sinh năm 2003, trú tại thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với số tài sản là 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVEALP, màu sơn xanh – đen – bạc (xe không có biển số). Tổng giá trị tài sản bị can Vũ Pà S trộm cắp được là: 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá và các tài liệu, chứng cứ khác; chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Vũ Pà S là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức rõ tài sản trên thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi chiếm đoạt, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo S là có căn cứ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...”

[4] Hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo gây ra .

[5] Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo đã cố tình lấy xe của người khác đi bán lấy tiền tiêu sài, bị cáo còn cho rằng là do bị cáo lấy nhầm xe thôi không phải lấy trộm xe, nếu như bị cáo nhầm thì bị cáo phải thông báo cho người dân xung quanh biết và báo cho chính quyền địa phương, bị cáo đã không làm như vậy mà còn lấy luôn xe đi bán để có tiền tiêu, như vậy bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị

hại. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhưng cần phải cho bị cáo thấy được thực hiện hành vi phạm tội làm trái với quy định của pháp luật, phải bị trừng trị nghiêm khắc thì mới có ý nghĩa giáo dục đối với loại tội phạm này. Hơn nữa, khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa, đề nghị từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[7] Xét thấy, bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này, Nguyễn Văn U là người mua lại chiếc xe máy do Vũ Pà S trộm cắp được. Tuy nhiên, tại thời điểm giao dịch, Uy không biết chiếc xe máy trên là tài sản do S phạm tội mà có. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn U trong vụ án này.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, giải quyết vụ án bị cáo Vũ Pà S đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại Lùng Văn T với số tiền là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngoài ra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn U yêu cầu bị cáo S có trách nhiệm trả lại số tiền 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) là số tiền mà U đã mua xe máy do S phạm tội mà có. Tuy nhiên, từ khi xảy ra sự việc đến nay, bị cáo chưa bồi thường khoản nào cho Nguyễn Văn U. Tại phiên tòa bị cáo S đồng ý trả lại số tiền 4.500.000đ. Đối với bị hại Lùng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 (*một*) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA; Số loại WAVEALP; Số máy JA39E1304601; Số khung 391IXKY434039; Màu sơn Xanh, đen, bạc (*xe không gắn biển số*). Phần yếm xe bên trái có một vết vỡ ngang dài 06 cm, phần yếm và vỏ xe có nhiều vết xước, xe đã qua sử dụng không tiến hành kiểm tra động cơ bên trong xe; 01 (*một*) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 063425. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại ngay cho bị hại: Anh Lùng Văn T; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Pà S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Pà S 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Vũ Pà S có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1985, địa chỉ: tại thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang số tiền là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại ngay cho anh Lùng Văn T - Sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA; Số loại WAVEALP; Số máy JA39E1304601; Số khung 391IXKY434039; Màu sơn Xanh, đen, bạc (xe không gắn biển số). Phần yếm xe bên trái có một vết vỡ ngang dài 06 cm, phần yếm và vỏ xe có nhiều vết xước, xe đã qua sử dụng không tiến hành kiểm tra động cơ bên trong xe; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 063425.

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản giao, nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 24/6/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Pà S.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về điều kiện thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng Mí Chớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Xuyên Lương Thị Nhiều

Giàng Mí Chớ